

**CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀN THIỆN DỰ ÁN TONKIN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀN THIỆN DỰ ÁN TONKIN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TONKIN PROJECT COMPLETING JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: TONKIN PROJECT., JSC

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0108370951

**3. Ngày thành lập:** 23/07/2018

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 101 - I3, ngách 91/2 phố Lương Định Của, Phường Phương Mai, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0942.966.868

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                                                                                                                                                                         | Mã ngành |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Khai thác và thu gom than cứng                                                                                                                                                                                                                                    | 0510     |
| 2.  | Khai thác và thu gom than non                                                                                                                                                                                                                                     | 0520     |
| 3.  | Khai thác quặng sắt                                                                                                                                                                                                                                               | 0710     |
| 4.  | Cưa, xẻ, bào gỗ và bảo quản gỗ                                                                                                                                                                                                                                    | 1610     |
| 5.  | Sản xuất gỗ dán, gỗ lạng, ván ép và ván mỏng khác                                                                                                                                                                                                                 | 1621     |
| 6.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                                                                                                                                                                                                               | 4651     |
| 7.  | Quảng cáo<br>Chi tiết: Quảng cáo thương mại                                                                                                                                                                                                                       | 7310     |
| 8.  | Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại<br>(trừ hợp báo)                                                                                                                                                                                                        | 8230     |
| 9.  | Đại lý, môi giới, đấu giá<br>Chi tiết: Đại lý                                                                                                                                                                                                                     | 4610     |
| 10. | Sản xuất sắt, thép, gang                                                                                                                                                                                                                                          | 2410     |
| 11. | Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học                                                                                                                                                                                                                               | 2731     |
| 12. | Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác                                                                                                                                                                                                                            | 2732     |
| 13. | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan<br>Chi tiết:<br>- Than đá, than củi, than cốc, gỗ nhiên liệu, naphtha;<br>- Dầu mỏ, dầu thô, diesel nhiên liệu, xăng, dầu nhiên liệu, dầu đốt nóng, dầu hỏa;<br>- Dầu mỡ nhờn, xăng dầu đã tinh chế. | 4661     |
| 14. | Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)                                                                                                                                                                                                                      | 4512     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                               |             |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 15. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn xi măng;<br>- Bán buôn gạch xây, ngói, đá, cát, sỏi;<br>- Bán buôn kính xây dựng;<br>- Bán buôn sơn, vécni;<br>- Bán buôn gạch ốp lát và thiết bị vệ sinh. | 4663        |
| 16. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn chất dẻo dạng nguyên sinh;<br>- Bán buôn phế liệu, phế thải kim loại/phi kim loại;<br>- Bán buôn hoá chất công nghiệp.                                           | 4669        |
| 17. | Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                     | 4730        |
| 18. | Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                     | 4742        |
| 19. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: Thiết kế xây dựng công trình                                                                                                                                                 | 7110        |
| 20. | Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ                                                                                                                                                                                                     | 4210        |
| 21. | Xây dựng công trình công ích                                                                                                                                                                                                                  | 4220        |
| 22. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                    | 4290        |
| 23. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                         | 4321        |
| 24. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí                                                                                                                                                                               | 4322        |
| 25. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                                                                                                                                                | 4329        |
| 26. | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                                                                                                                                                                       | 1622        |
| 27. | Sản xuất bao bì bằng gỗ                                                                                                                                                                                                                       | 1623        |
| 28. | Sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh                                                                                                                                                                                          | 2013        |
| 29. | Sản xuất sản phẩm từ plastic                                                                                                                                                                                                                  | 2220        |
| 30. | Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại                                                                                                                                                                                                       | 2733        |
| 31. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                                                                                                                                                | 4330(Chính) |
| 32. | Sản xuất thiết bị điện chiếu sáng                                                                                                                                                                                                             | 2740        |
| 33. | Sản xuất đồ điện dân dụng                                                                                                                                                                                                                     | 2750        |
| 34. | Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép                                                                                                                                                                                                          | 4641        |
| 35. | Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác                                                                                                                                                                                                           | 4511        |
| 36. | Bán mô tô, xe máy                                                                                                                                                                                                                             | 4541        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         |      |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------|
| 37. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình<br>Chi tiết:<br>- Bán dụng cụ y tế;<br>- Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh;<br>- Bán buôn hàng gốm, sứ, thủy tinh;<br>- Bán buôn đồ điện gia dụng, đèn và bộ đèn điện;<br>- Bán buôn giường, tủ, bàn ghế và đồ dùng nội thất tương tự;<br>- Bán buôn máy lọc nước. | 4649 |
| 38. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>Chi tiết:<br>- Bán buôn quặng kim loại;<br>- Bán buôn sắt, thép;<br>- Bán buôn đồng, chì, nhôm, kẽm và kim loại màu khác dạng nguyên sinh và bán thành phẩm: thỏi, thanh, tấm, lá, dải, dạng hình.                                                                               | 4662 |
| 39. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                  | 4741 |
| 40. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                    | 4752 |
| 41. | Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                             | 4753 |
| 42. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                 | 4759 |
| 43. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                 | 4772 |
| 44. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                                                                                                                                                                                                                                                          | 4933 |
| 45. | Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư                                                                                                                                                                                                                          | 6619 |
| 46. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                                                                                                                                                                                                                                                      | 4652 |
| 47. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác<br>Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện)                                                                                                                               | 4659 |
| 48. | Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                              | 4763 |
| 49. | Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                        | 4771 |
| 50. | Kho bãi và lưu giữ hàng hóa<br>(Không bao gồm kinh doanh bất động sản)                                                                                                                                                                                                                                                  | 5210 |
| 51. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh                                                                                                                                                                                     | 8299 |

|     |                                                                          |      |
|-----|--------------------------------------------------------------------------|------|
| 52. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng<br>Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất | 7410 |
| 53. | Xây dựng nhà các loại                                                    | 4100 |

**6. Vốn điều lệ:** 3.600.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:**

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông       | Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                | Loại cổ phần      | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập | Ghi chú |
|-----|-------------------|-----------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------|------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | VŨ THỊ LAN        | Số 163 Giải Phóng, Phường Đồng Tâm, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam                   | Cổ phần phổ thông | 104.400    | 1.044.000.000         | 29,000    | 0011760002<br>11                                                                            |         |
|     |                   |                                                                                                     | Tổng số           | 104.400    | 1.044.000.000         | 29,000    |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                                     |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 2   | NGUYỄN THANH TÙNG | Phòng 319, Chung cư 35 Láng Hạ - ĐN B1, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần phổ thông | 183.600    | 1.836.000.000         | 51,000    | B9451835                                                                                    |         |
|     |                   |                                                                                                     | Tổng số           | 183.600    | 1.836.000.000         | 51,000    |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                                     |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |
| 3   | ĐÀO HOÀI NAM      | Số 6, ngách 260/17 ngõ Chợ Khâm Thiên, Phường Khâm Thiên, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam  | Cổ phần phổ thông | 72.000     | 720.000.000           | 20,000    | 011742770                                                                                   |         |
|     |                   |                                                                                                     | Tổng số           | 72.000     | 720.000.000           | 20,000    |                                                                                             |         |
|     |                   |                                                                                                     |                   |            |                       |           |                                                                                             |         |

**9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:**

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

## 10. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: VŨ THỊ LAN

Giới tính: Nữ

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 02/05/1976

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Chứng minh nhân dân*

Số giấy chứng thực cá nhân: 001176000211

Ngày cấp: 06/02/2013

Nơi cấp: *Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Số 163 Giải Phóng, Phường Đồng Tâm, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Số 163 Giải Phóng, Phường Đồng Tâm, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

\* Họ và tên: NGUYỄN THANH TÙNG

Giới tính: Nam

Chức danh: *Chủ tịch hội đồng quản trị*

Sinh ngày: 07/03/1976

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: *Hộ chiếu Việt Nam*

Số giấy chứng thực cá nhân: B9451835

Ngày cấp: 18/07/2014

Nơi cấp: *Cục quản lý xuất nhập cảnh*

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: *Phòng 319, Chung cư 35 Láng Hạ - ĐN B1, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

Chỗ ở hiện tại: *Phòng 319, Chung cư 35 Láng Hạ - ĐN B1, Phường Thành Công, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội